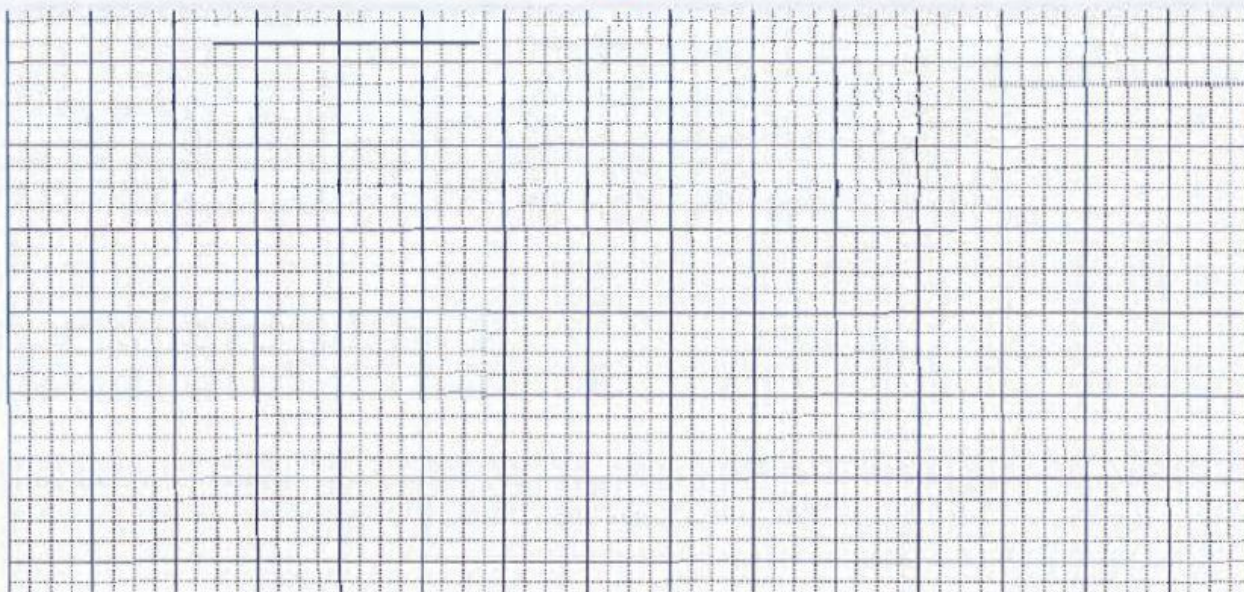


DẠNG 8: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ

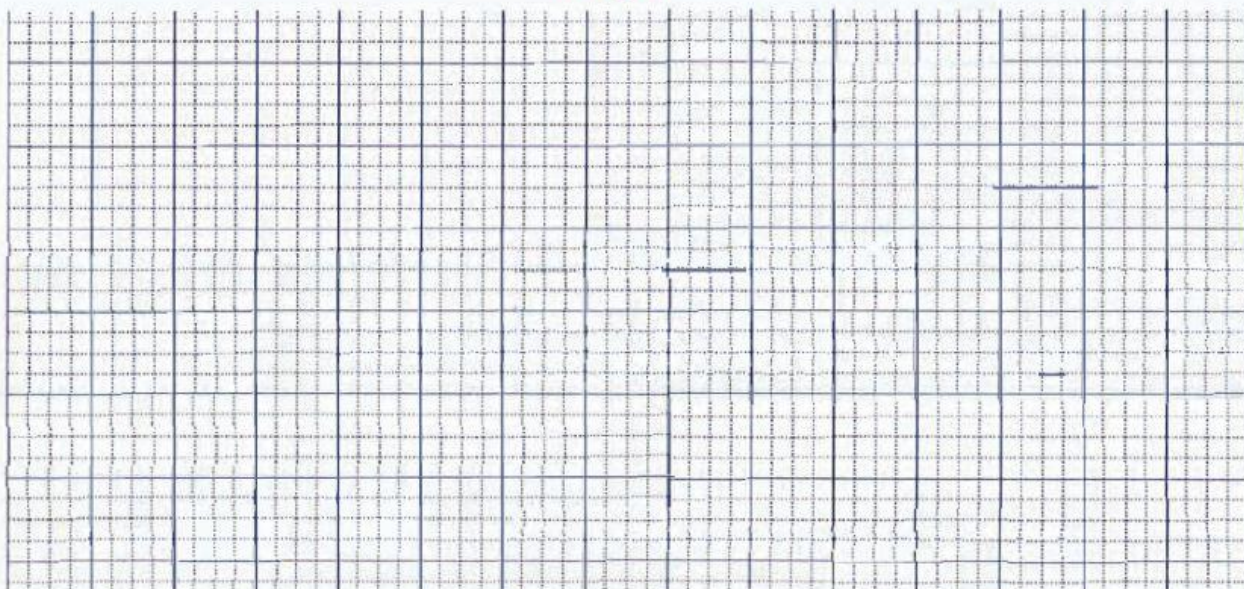
Bài 1. Tổng của hai số là 168. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{5}$. Tìm hai số đó.

Bài giải



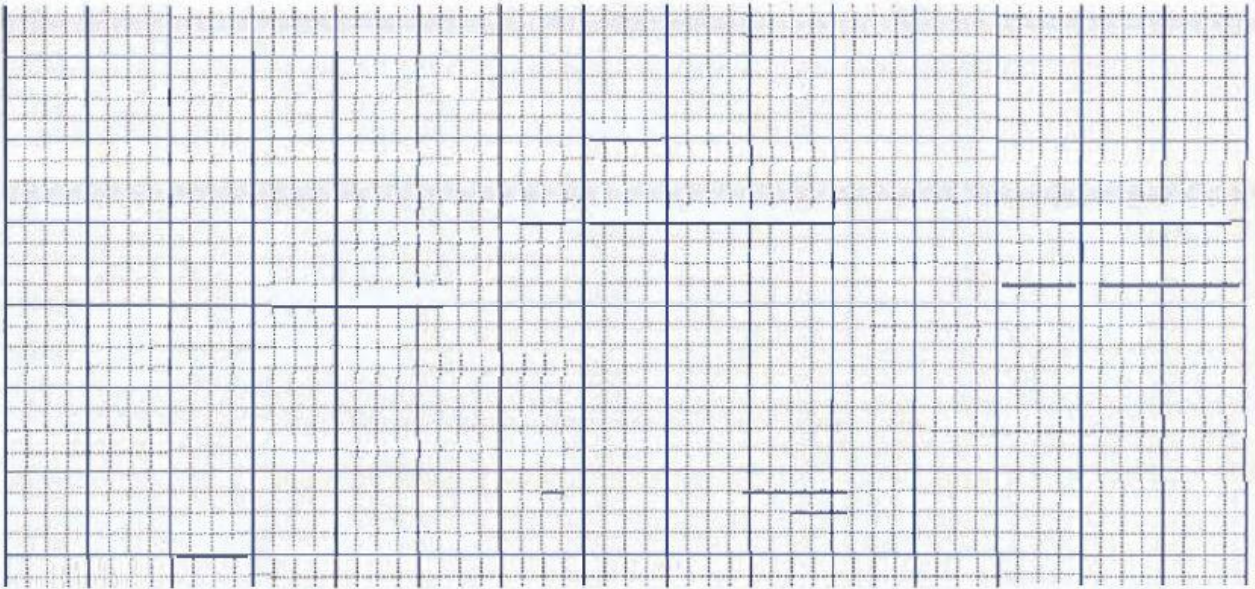
Bài 2. Trên bãi cỏ có 100 con trâu và con bò. Số bò bằng $\frac{1}{4}$ số trâu. Hỏi trên bãi cỏ có bao nhiêu con bò, bao nhiêu con trâu ?

Bài giải



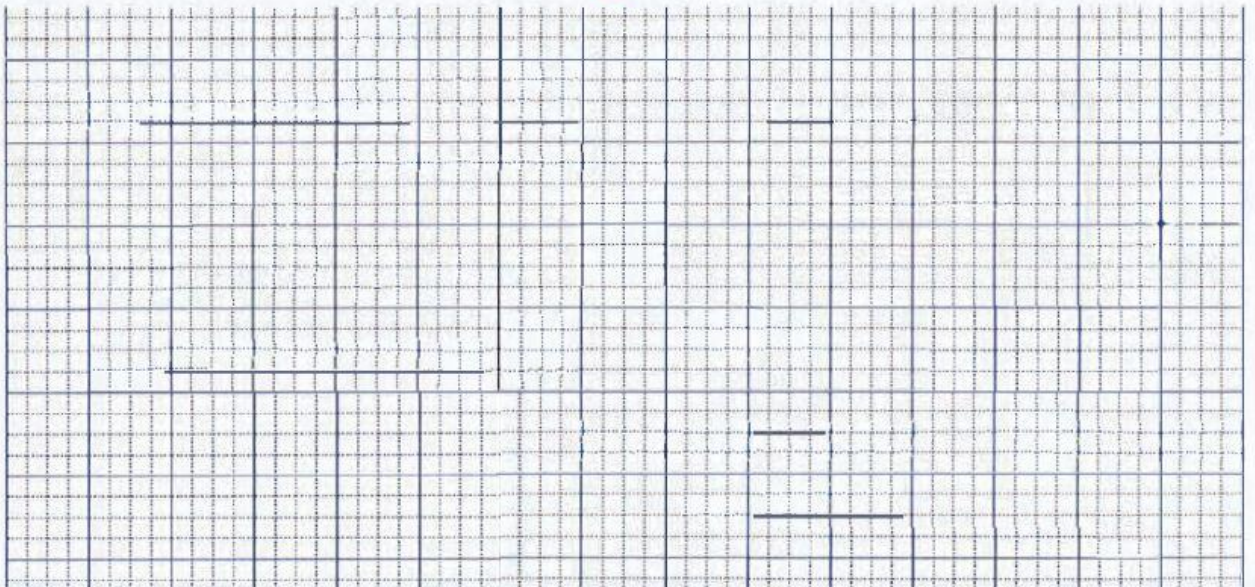
Bài 3. Lớp 4A và lớp 4B có tổng 55 học sinh. Biết số học sinh lớp 4A bằng $\frac{5}{6}$ số học sinh lớp 4B. Tính số học sinh của mỗi lớp.

Bài giải



Bài 4. Một hình chữ nhật có chu vi bằng 144cm, chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

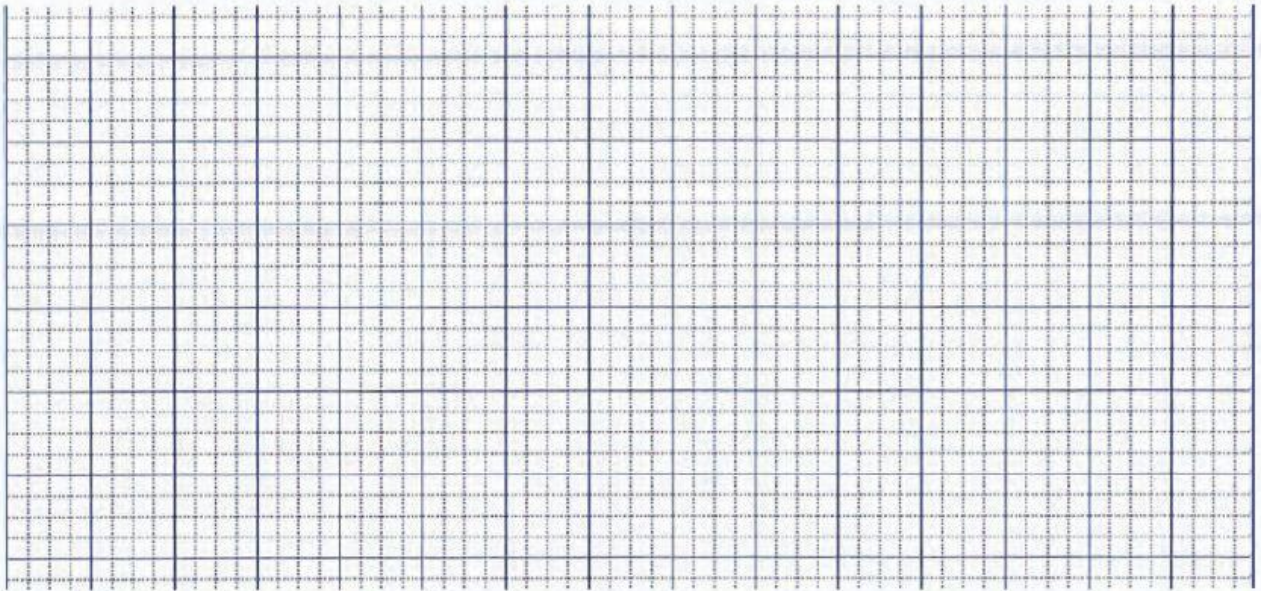
Bài giải



Bài 5. Hiện nay tổng số tuổi của hai bố con là 48 tuổi. Biết rằng cách đây 4 năm, tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

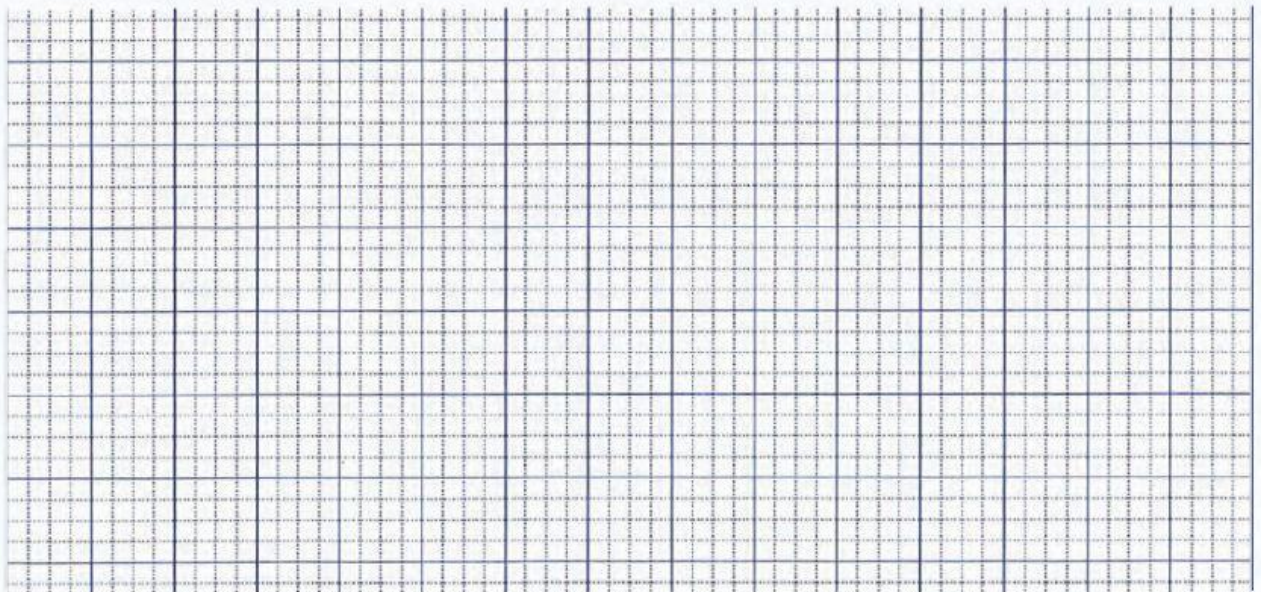
Bài giải





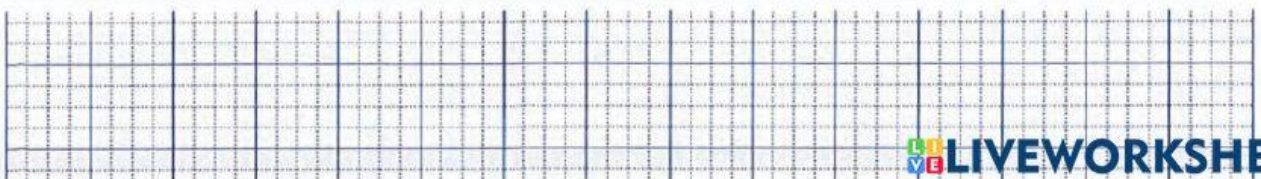
Bài 6. Một đàn gà có 240 con trong đó số gà trống bằng $\frac{3}{5}$ số gà mái. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà trống, bao nhiêu con gà mái ?

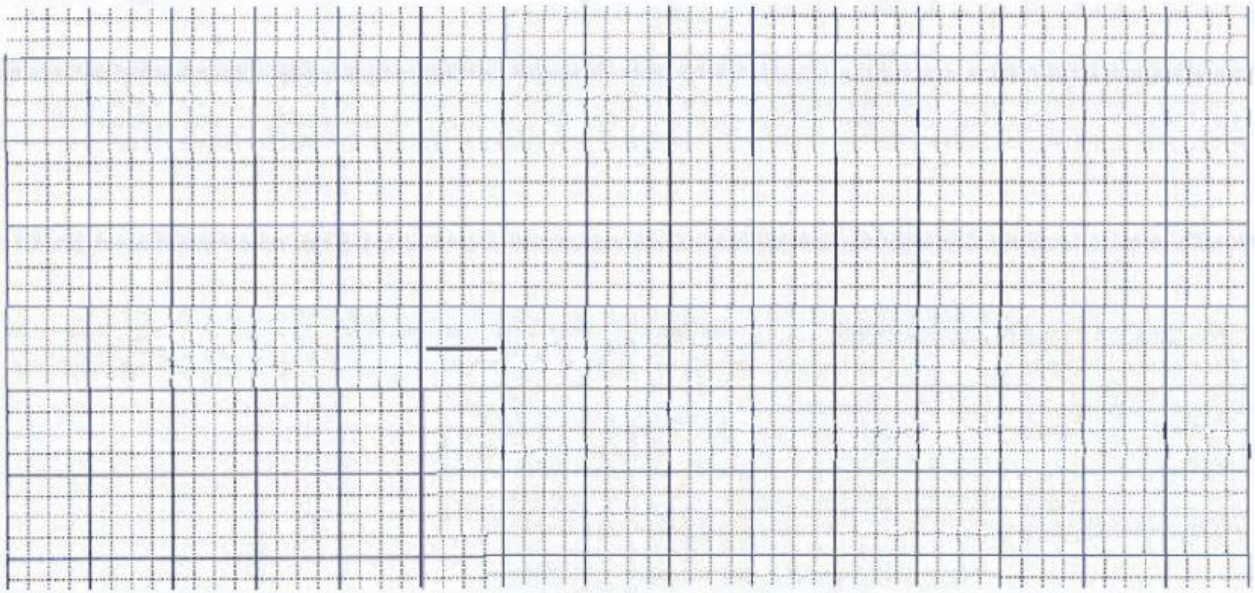
Bài giải



Bài 7. Tổng số cân nặng của hai anh em là 67kg, biết rằng $\frac{3}{5}$ cân nặng của em bằng $\frac{5}{14}$ cân nặng của anh. Hỏi mỗi anh em cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

Bài giải

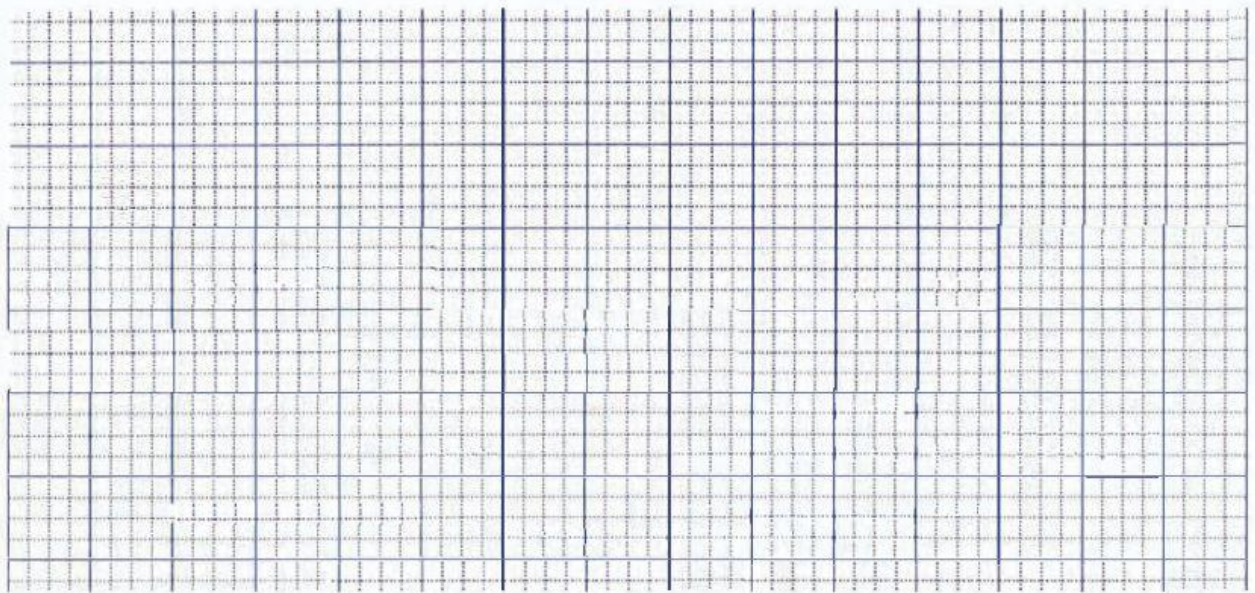




Bài 8. Một trường tiểu học có 540 học sinh. Biết số học sinh nam bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh nữ.

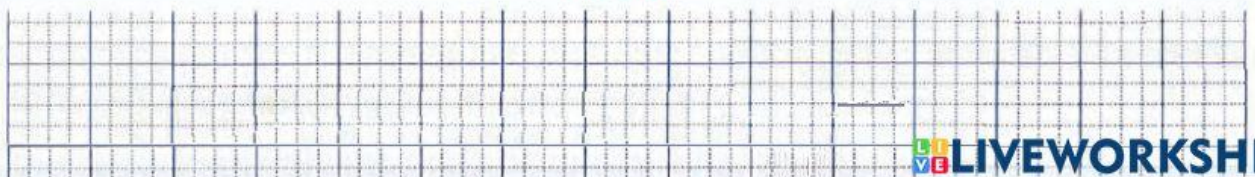
Hỏi trường tiểu học có bao nhiêu học sinh nam ?

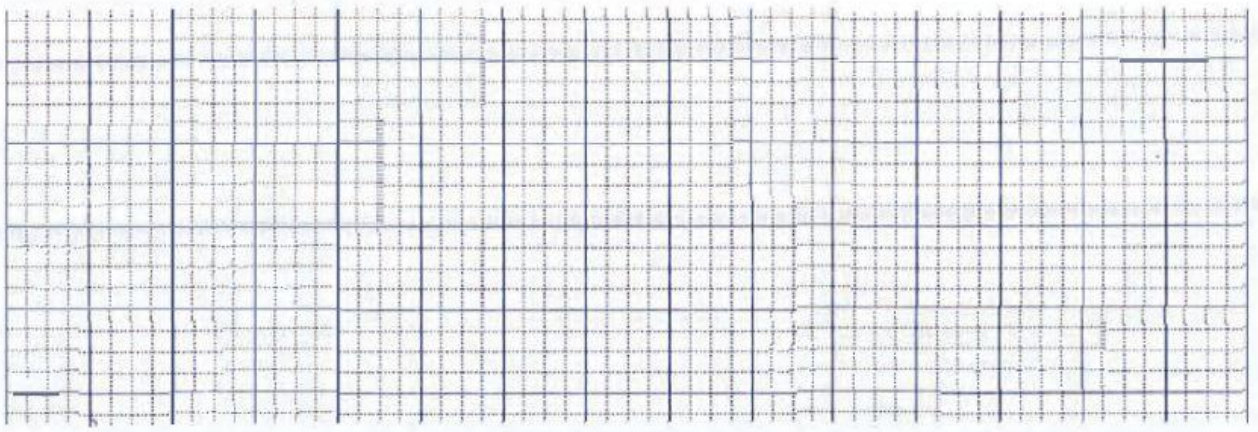
Bài giải



Bài 9. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi bằng 192m. Tính diện tích thửa ruộng đó, biết chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng.

Bài giải





Bài 10. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài gấp 2 lần chiều rộng và chu vi là 960m. Tính chiều dài, chiều rộng và diện tích của mảnh đất trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000.

Bài giải

